

Rx Prescription Drug

1 x 10 Capsules

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 20/3/2019

Symbol of Quality Products

CAPTIDOX 100

Cefpodoxime proxetil capsules 100mg

CAPTIDOX 100

CAPTIDOX 100

Cefpodoxime proxetil capsules 100mg

READ ENCLOSED LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

Rx Thuốc kê đơn

Hộp 1 vỉ x 10 viên

CAPTIDOX 100

Composition: Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil eq. to Cefpodoxime 100mg
Indications, Dosage & Administration,
Contra-indication & precaution:
See enclosed insert circular
Storage: Store below 30°C in a cool and dry place,
away from direct sunlight.
Quantity specification: In house

Thành phần: Mỗi viên nang cứng có chứa:
Cefpodoxime Proxetil tương đương Cefpodoxime 100mg
Chỉ định, liều dùng & cách dùng, chống chỉ định
và lưu ý: Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng
Bảo quản: Nơi khô, mát ở nhiệt độ dưới 30°C,
tránh ánh sáng.
Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Manufactured by/Sản xuất bởi:
Kwality Pharmaceutical Pvt. Limited
Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar, Punjab, India

Marketed by:
M.S. FARMA GLOW
(International Division)
Gurgaon, India



Các thông tin khác, xin xem tờ hướng dẫn sử dụng

Nhập khẩu bởi:

CAPTIDOX 100

Cefpodoxime proxetil capsules 100mg

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM

CAPTIDOX 100

Mỗi viên nang cứng có chứa:
Cefpodoxime Proxetil USP tương đương với
Cefpodoxime 100mg

Manufactured by/Sản xuất bởi:
Kwality Pharmaceutical Pvt. Limited
Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar,
Punjab, India



CAPTIDOX 100

Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil USP equivalent to
Cefpodoxime 100mg

Marketed by:
M.S. FARMA GLOW
Gurgaon, India

Mfg. Lic. No.:
SDK/Visa No.:
Số lô SX/ Lot. No.:
NSX/ Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

CAPTIDOX 100

Mỗi viên nang cứng có chứa:
Cefpodoxime Proxetil USP tương đương với
Cefpodoxime 100mg

Manufactured by/Sản xuất bởi:
Kwality Pharmaceutical Pvt. Limited
Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar,
Punjab, India

CAPTIDOX 100

Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil USP equivalent to
Cefpodoxime 100mg

Mfg. Lic. No.:
SDK/Visa No.:
Số lô SX/ Lot. No.:
NSX/ Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

CAPTIDOX 100

Mỗi viên nang cứng có chứa:
Cefpodoxime Proxetil USP tương đương với
Cefpodoxime 100mg

Manufactured by/Sản xuất bởi:
Kwality Pharmaceutical Pvt. Limited
Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar,
Punjab, India



CAPTIDOX 100

Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil USP equivalent to
Cefpodoxime 100mg

Marketed by:
M.S. FARMA GLOW
Gurgaon, India

Mfg. Lic. No.:
SDK/Visa No.:
Số lô SX/ Lot. No.:
NSX/ Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

CAPTIDOX 100

Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil USP equivalent to
Cefpodoxime 100mg

Mfg. Lic. No.:
SDK/Visa No.:
Số lô SX/ Lot. No.:
NSX/ Mfg. Date:
HD/ Exp. Date:

CAPTIDOX 100

Mỗi viên nang cứng có chứa:
Cefpodoxime Proxetil USP tương đương với
Cefpodoxime 100mg

Manufactured by/Sản xuất bởi:
Kwality Pharmaceutical Pvt. Limited
Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar,
Punjab, India



CAPTIDOX 100

Each hard capsules contains:
Cefpodoxime Proxetil USP equivalent to
Cefpodoxime 100mg

Marketed by:
M.S. FARMA GLOW
Gurgaon, India



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

CAPTIDOX 100

Thành phần, hàm lượng thuốc: Mỗi viên nang cứng chứa

Cefpodoxim proxetil tương đương với cefpodoxim

100mg

Tá dược vừa đủ

1 viên

(tá dược gồm: Sodium lauryl sulfat, crospovidon, magnesium stearat, carboxymethyl cellulose calcium, vỏ nang cứng)

Dạng bào chế:

Viên nang cứng.

Dược lực học:

Cefpodoxim là kháng sinh cephalosporin thế hệ 3. Ở những nước có tỷ lệ kháng kháng sinh thấp, cefpodoxim có độ bền vững cao trước sự tấn công của các beta - lactamase, do các khuẩn Gram âm và Gram dương tạo ra.

Về nguyên tắc, cefpodoxim có hoạt lực đối với cầu khuẩn Gram dương như phế cầu khuẩn (*Streptococcus pneumoniae*), các liên cầu khuẩn (*Streptococcus*) nhóm A,B,C, G và với các tụ cầu khuẩn *Staphylococcus aureus*, *S. epidermidis* có hay không tạo ra beta - lactamase. Tuy nhiên, thuốc không có tác dụng chống các tụ cầu khuẩn kháng isoxazolyl - penicilin do thay đổi protein gắn penicilin (kiểu kháng của tụ cầu vàng kháng methicilin MRSA). Kiểu kháng kháng sinh MRSA này đang phát triển ngày càng tăng ở Việt Nam.

Cefpodoxim cũng có tác dụng đối với các cầu khuẩn Gram âm, các trực khuẩn Gram dương và Gram âm. Thuốc có hoạt tính chống các vi khuẩn Gram âm gây bệnh quan trọng như *E. coli*, *Klebsiella*, *Proteus mirabilis* và *Citrobacter*.

Tuy nhiên ở Việt Nam, các vi khuẩn này cũng kháng cả cephalosporin thế hệ 3. Vấn đề này cần lưu ý vì đó là một nguy cơ thất bại trong điều trị.

Ngược lại với các cephalosporin loại uống khác, cefpodoxim bền vững đối với beta - lactamase do *Haemophilus influenzae*, *Moraxella catarrhalis* và *Neisseria* sinh ra. Tuy vậy nhận xét này cũng chưa được theo dõi có hệ thống ở Việt Nam và hoạt lực của cefpodoxim cao hơn đến mức độ nào so với hoạt lực của các cephalosporin uống khác cũng chưa rõ.

Cefpodoxim ít tác dụng trên *Proteus vulgaris*, *Enterobacter*, *Serratia marcesens* và *Clostridium perfringens*. Các khuẩn này đôi khi kháng hoàn toàn.

Các tụ cầu vàng kháng methicilin, *Staphylococcus saprophyticus*, *Enterococcus*, *Pseudomonas aeruginosa*, *Pseudomonas spp.*, *Clostridium difficile*, *Bacteroides fragilis*, *Listeria*, *Mycoplasma pneumoniae*, *Chlamydia* và *Legionella pneumophili* thường kháng hoàn toàn các cephalosporin.

Cefpodoxim ở trên thị trường là dạng thuốc uống cefpodoxim proxetil (ester của cefpodoxim). Cefpodoxim proxetil ít tác dụng kháng khuẩn khi chưa được thủy phân thành cefpodoxim trong cơ thể. Cefpodoxim proxetil được hấp thụ qua đường tiêu hóa và được chuyển hóa bởi các esterase không đặc hiệu, có thể tại thành ruột, thành chất chuyển hóa cefpodoxim có tác dụng.

Dược động học:

Khả dụng sinh học của cefpodoxim khoảng 50%. Khả dụng sinh học này tăng lên khi dùng cefpodoxim cùng với thức ăn. Nửa đời huyết thanh của cefpodoxim là 2,1 - 2,8 giờ đối với người bệnh có chức năng thận bình thường. Nửa đời huyết thanh tăng lên đến 3,5 - 9,8 giờ ở người bị thiếu năng thận. Sau khi uống một liều cefpodoxim, ở người lớn khỏe mạnh có chức năng thận bình thường, nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong vòng 2 - 3 giờ và có giá trị trung bình 1,4 microgam/ml, 2,3 microgam/ml, 3,9 microgam/ml đối với các liều 100 mg, 200 mg, 400 mg.

Khoảng 40% cefpodoxim liên kết với protein huyết tương. Thuốc được thải trừ dưới dạng không thay đổi qua lọc của cầu thận và bài tiết của ống thận. Khoảng 29 - 38% liều dùng được thải trừ trong vòng 12 giờ ở người lớn có chức năng thận bình thường. Không xảy ra biến đổi sinh học ở thận và gan. Thuốc bị thải loại ở mức độ nhất định khi thẩm tách máu.

Quy cách đóng gói:

Hộp 01 vỉ x 10 viên.



Chỉ định:

Cefpodoxim được dùng dưới dạng uống để điều trị các bệnh từ nhẹ đến trung bình ở đường hô hấp dưới, kể cả viêm phổi cấp tính mắc phải ở cộng đồng do các chủng *Streptococcus pneumoniae* hoặc *Haemophilus influenzae* nhạy cảm (kể cả các chủng sinh ra beta - lactamase) và, đợt kịch phát cấp tính của viêm phế quản mạn do các chủng *S. pneumoniae* nhạy cảm và do các *H. influenzae* hoặc *Moraxella (Branhamella, trước kia gọi là Neisseria) catarrhalis*, không sinh ra beta - lactamase.

Để điều trị các nhiễm khuẩn nhẹ và vừa ở đường hô hấp trên (thí dụ đau họng, viêm amidan) do *Streptococcus pyogenes* nhạy cảm, cefpodoxim không phải là thuốc được chọn ưu tiên, mà đúng hơn là thuốc thay thế cho thuốc điều trị chủ yếu (thí dụ penicilin). Cefpodoxim cũng có vai trò trong điều trị bệnh viêm tai giữa cấp do các chủng nhạy cảm *S. pneumoniae*, *H. influenzae* (kể cả các chủng sinh ra beta - lactamase) hoặc *B. catarrhalis*.

Cefpodoxim cũng được dùng để điều trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu thể nhẹ và vừa, chưa có biến chứng (viêm bàng quang) do các chủng nhạy cảm *E. coli*, *Klebsiella pneumoniae*, *Proteus mirabilis*, hoặc *Staphylococcus saprophyticus*.

Một liều duy nhất 200 mg cefpodoxim được dùng để điều trị bệnh lậu cấp, chưa biến chứng, ở nội mạc cổ tử cung hoặc hậu môn - trực tràng của phụ nữ và bệnh lậu ở niệu đạo của phụ nữ và nam giới, do các chủng có hoặc không tạo penicilinase của *Neisseria gonorrhoea*.

Cefpodoxim cũng được dùng để điều trị nhiễm khuẩn thể nhẹ đến vừa chưa biến chứng ở da và các tổ chức da do *Staphylococcus aureus* có tạo ra hay không tạo ra penicilinase và các chủng nhạy cảm của *Streptococcus pyogenes*.

Liều dùng:

Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi:

Để điều trị đợt kịch phát cấp tính của viêm phế quản mạn hoặc viêm phổi cấp tính thể nhẹ đến vừa mắc phải của cộng đồng, liều thường dùng của cefpodoxim là 200 mg/lần, cứ 12 giờ một lần, trong 10 hoặc 14 ngày tương ứng.

Đối với viêm họng và/hoặc viêm amidan thể nhẹ đến vừa hoặc nhiễm khuẩn đường tiết niệu thể nhẹ hoặc vừa chưa biến chứng liều cefpodoxim là 100 mg mỗi 12 giờ, trong 5 - 10 ngày hoặc 7 ngày tương ứng.

Đối với các nhiễm khuẩn da và các tổ chức da thể nhẹ và vừa chưa biến chứng, liều thường dùng là 400 mg mỗi 12 giờ, trong 7 - 14 ngày.

Để điều trị bệnh lậu niệu đạo chưa biến chứng ở nam, nữ và các bệnh lậu hậu môn - trực tràng và nội mạc cổ tử cung ở phụ nữ: Dùng 1 liều duy nhất 200 mg cefpodoxim, tiếp theo là điều trị bằng doxycyclin uống để đề phòng có cả nhiễm *Chlamydia*.

Trẻ em:

Để điều trị viêm tai giữa cấp ở trẻ em từ 5 tháng đến 12 năm tuổi, dùng liều 5 mg/kg (tối đa 200 mg) cefpodoxim mỗi 12 giờ, hoặc 10 mg/kg (tối đa 400 mg) ngày một lần, trong 10 ngày. Để điều trị viêm phế quản/viêm amidan thể nhẹ và vừa ở trẻ em 5 tháng đến 12 tuổi, liều thường dùng là 5 mg/kg (tối đa 100 mg) mỗi 12 giờ, trong 5 - 10 ngày.

Để điều trị các bệnh nhiễm khuẩn khác:

Trẻ dưới 15 ngày tuổi: Không nên dùng;

Từ 15 ngày đến 6 tháng: 8 mg/kg/ngày, chia 2 lần;

Từ 6 tháng đến 2 năm: 40 mg/lần, ngày 2 lần;

Từ 3 tuổi đến 8 tuổi: 80 mg/lần, ngày 2 lần;

Trên 9 tuổi: 100 mg/lần, ngày 2 lần.

Liều cho người suy thận:

Phải giảm tùy theo mức độ suy thận. Đối với người bệnh có độ thanh thải creatinin ít hơn 30 ml/ phút, và không thăm tách máu, liều thường dùng, cho cách nhau cứ 24 giờ một lần. Người bệnh đang thăm tách máu, uống liều thường dùng 3 lần/tuần.

Chống chỉ định:

Không được dùng cefpodoxim cho những người bệnh bị dị ứng với các cephalosporin và người bị rối loạn chuyển hóa porphyrin.

Thận trọng:

Trước khi bắt đầu điều trị bằng cefpodoxim, phải điều tra kỹ về tiền sử dị ứng của người bệnh với cephalosporin, penicilin hoặc thuốc khác.



Cần sử dụng thận trọng đối với những người mẫn cảm với penicilin, thiếu năng lực thận và người có thai hoặc đang cho con bú.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai: Chưa có tài liệu nào nói đến việc sử dụng cefpodoxim trong thời gian mang thai. Tuy vậy các cephalosporin thường được coi như an toàn khi sử dụng cho người mang thai.

Thời kỳ cho con bú: Cefpodoxim được tiết qua sữa mẹ với nồng độ thấp. Mặc dù nồng độ thấp, nhưng vẫn có 3 vấn đề sẽ xảy ra đối với trẻ em bú sữa có cefpodoxim: Rối loạn hệ vi khuẩn đường ruột, tác dụng trực tiếp đến cơ thể trẻ và kết quả nuôi cấy vi khuẩn sẽ sai, nếu phải làm kháng sinh đồ khi có sốt.

Tác động của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

Dùng được khi lái xe và vận hành máy

Tương tác thuốc:

Hấp thu cefpodoxim giảm khi có chất chống acid, vì vậy tránh dùng cefpodoxim cùng với chất chống acid.

Tác dụng không mong muốn

Thường gặp, $ADR > 1/100$

Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, ỉa chảy, đau bụng.

Chung: Đau đầu.

Phản ứng dị ứng: Phát ban, nổi mề đay, ngứa.

Ít gặp, $1/1000 < ADR < 1/100$

Phản ứng dị ứng: Phản ứng như bệnh huyết thanh với phát ban, sốt và đau khớp và phản ứng phản vệ.

Da: Ban đỏ đa dạng.

Gan: Rối loạn enzym gan, viêm gan và vàng da ứ mật tạm thời.

Hiếm gặp, $ADR < 1/1000$

Máu: Tăng bạch cầu ưa eosin, rối loạn về máu.

Thận: Viêm thận kẽ có hồi phục.

Thần kinh trung ương: Tăng hoạt động, bị kích động, khó ngủ, lú lẫn, tăng trương lực và chóng mặt hoa mắt.

Quá liều:

Sau khi quá liều cấp tính, phần lớn chỉ gây buồn nôn, nôn và tiêu chảy. Tuy nhiên có thể gây quá mẫn thần kinh cơ và cơn động kinh, đặc biệt ở người bị bệnh suy thận.

Khi gặp phải trường hợp quá liều, nên ngừng sử dụng thuốc ngay lập tức. Việc thăm phân máu có thể hỗ trợ trong việc đào thải cefpodoxim ra khỏi cơ thể, đặc biệt đối với trường hợp chức năng thận bị tổn thương. Ngoài ra có thể kết hợp với các biện pháp điều trị triệu chứng và hỗ trợ nâng đỡ thể trạng cho cơ thể bệnh nhân.

Bảo quản:

Bảo quản nơi khô, mát ở nhiệt độ dưới 30°C , tránh ánh sáng.

Hạn dùng:

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất:

KWALITY PHARMACEUTICAL PVT. LIMITED.

Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar, Punjab, Ấn Độ

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

30/01/2018



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO NGƯỜI BỆNH

CAPTIDOX 100

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thông báo cho bác sĩ hay dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc
Thuốc bán theo đơn

Thành phần, hàm lượng thuốc: Mỗi viên nang cứng chứa

Cefpodoxim proxetil tương đương với Cefpodoxim 100mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

(tá dược gồm: Sodium lauryl sulfat, crospovidon, magnesium stearat, carboxymethyl cellulose calcium, vỏ nang cứng)

Mô tả sản phẩm:

Viên nang gelatin cứng, bên trong có chứa bột màu trắng đến trắng ngà, vỏ nang màu vàng.

Quy cách đóng gói:

Hộp 01 vỉ x 10 viên.

Thuốc dùng cho bệnh gì:

Cefpodoxim được dùng dưới dạng uống để điều trị các bệnh từ nhẹ đến trung bình ở đường hô hấp dưới, kể cả viêm phổi cấp tính mắc phải ở cộng đồng do các chủng *Streptococcus pneumoniae* hoặc *Haemophilus influenzae* nhạy cảm (kể cả các chủng sinh ra beta - lactamase) và, đợt kịch phát cấp tính của viêm phế quản mạn do các chủng *S. pneumoniae* nhạy cảm và do các *H. influenzae* hoặc *Moraxella (Branhamella, trước kia gọi là Neisseria) catarrhalis*, không sinh ra beta - lactamase.

Để điều trị các nhiễm khuẩn nhẹ và vừa ở đường hô hấp trên (thí dụ đau họng, viêm amidan) do *Streptococcus pyogenes* nhạy cảm, cefpodoxim không phải là thuốc được chọn ưu tiên, mà đúng hơn là thuốc thay thế cho thuốc điều trị chủ yếu (thí dụ penicilin). Cefpodoxim cũng có vai trò trong điều trị bệnh viêm tai giữa cấp do các chủng nhạy cảm *S. pneumoniae*, *H. influenzae* (kể cả các chủng sinh ra beta - lactamase) hoặc *B. catarrhalis*.

Cefpodoxim cũng được dùng để điều trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu thể nhẹ và vừa, chưa có biến chứng (viêm bàng quang) do các chủng nhạy cảm *E. coli*, *Klebsiella pneumoniae*, *Proteus mirabilis*, hoặc *Staphylococcus saprophyticus*.

Một liều duy nhất 200 mg cefpodoxim được dùng để điều trị bệnh lậu cấp, chưa biến chứng, ở nội mạc cổ tử cung hoặc hậu môn - trực tràng của phụ nữ và bệnh lậu ở niệu đạo của phụ nữ và nam giới, do các chủng có hoặc không tạo penicilinase của *Neisseria gonorrhoea*.

Cefpodoxim cũng được dùng để điều trị nhiễm khuẩn thể nhẹ đến vừa chưa biến chứng ở da và các tổ chức da do *Staphylococcus aureus* có tạo ra hay không tạo ra penicilinase và các chủng nhạy cảm của *Streptococcus pyogenes*

Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:

Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi:

Để điều trị đợt kịch phát cấp tính của viêm phế quản mạn hoặc viêm phổi cấp tính thể nhẹ đến vừa mắc phải của cộng đồng, liều thường dùng của cefpodoxim là 200 mg/lần, cứ 12 giờ một lần, trong 10 hoặc 14 ngày tương ứng.

Đối với viêm họng và/hoặc viêm amidan thể nhẹ đến vừa hoặc nhiễm khuẩn đường tiết niệu thể nhẹ hoặc vừa chưa biến chứng liều cefpodoxim là 100 mg mỗi 12 giờ, trong 5 - 10 ngày hoặc 7 ngày tương ứng.



Đối với các nhiễm khuẩn da và các tổ chức da thể nhẹ và vừa chưa biến chứng, liều thường dùng là 400 mg mỗi 12 giờ, trong 7 - 14 ngày.

Để điều trị bệnh lậu niệu đạo chưa biến chứng ở nam, nữ và các bệnh lậu hậu môn trực tràng và nội mạc cổ tử cung ở phụ nữ: Dùng 1 liều duy nhất 200 mg cefpodoxim, tiếp theo là điều trị bằng doxycyclin uống để đề phòng có cả nhiễm *Chlamydia*.

Trẻ em:

Để điều trị viêm tai giữa cấp ở trẻ em từ 5 tháng đến 12 năm tuổi, dùng liều 5 mg/kg (tối đa 200 mg) cefpodoxim mỗi 12 giờ, hoặc 10 mg/kg (tối đa 400 mg) ngày một lần, trong 10 ngày. Để điều trị viêm phế quản/viêm amidan thể nhẹ và vừa ở trẻ em 5 tháng đến 12 tuổi, liều thường dùng là 5 mg/kg (tối đa 100 mg) mỗi 12 giờ, trong 5 - 10 ngày.

Để điều trị các bệnh nhiễm khuẩn khác:

Trẻ dưới 15 ngày tuổi: Không nên dùng;
Từ 15 ngày đến 6 tháng: 8 mg/kg/ngày, chia 2 lần;
Từ 6 tháng đến 2 năm: 40 mg/lần, ngày 2 lần;
Từ 3 tuổi đến 8 tuổi: 80 mg/lần, ngày 2 lần;
Trên 9 tuổi: 100 mg/lần, ngày 2 lần.

Liều cho người suy thận:

Phải giảm tùy theo mức độ suy thận. Đối với người bệnh có độ thanh thải creatinin ít hơn 30 ml/ phút, và không thẩm tách máu, liều thường dùng, cho cách nhau cứ 24 giờ một lần. Người bệnh đang thẩm tách máu, uống liều thường dùng 3 lần/tuần.

Khi nào không nên dùng thuốc này:

Không được dùng cefpodoxim cho những người bệnh bị dị ứng với các cephalosporin và người bị rối loạn chuyển hóa porphyrin.

Tác dụng không mong muốn:

Thường gặp, ADR > 1/100

Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, ỉa chảy, đau bụng.
Chung: Đau đầu.
Phản ứng dị ứng: Phát ban, nổi mề đay, ngứa.

Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100

Phản ứng dị ứng: Phản ứng như bệnh huyết thanh với phát ban, sốt và đau khớp và phản ứng phản vệ.

Da: Ban đỏ đa dạng.

Gan: Rối loạn enzym gan, viêm gan và vàng da ứ mật tạm thời.

Hiếm gặp, ADR < 1/1000

Máu: Tăng bạch cầu ưa eosin, rối loạn về máu.

Thận: Viêm thận kẽ có hồi phục.

Thần kinh trung ương: Tăng hoạt động, bị kích động, khó ngủ, lú lẫn, tăng trương lực và chóng mặt hoa mắt.

Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:

Hấp thu cefpodoxim giảm khi có chất chống acid, vì vậy tránh dùng cefpodoxim cùng với chất chống acid.

Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc:

Nếu quên không dùng thuốc, uống thuốc ngay khi bạn nhớ ra, nếu như gần đến thời điểm uống liều tiếp theo, cần bỏ qua liều đã quên.

Không được uống tăng liều gấp đôi để bù lại liều đã quên.

Cần bảo quản thuốc này như thế nào:

Bảo quản nơi khô, mát ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:

Sau khi quá liều cấp tính, phần lớn chỉ gây buồn nôn, nôn và tiêu chảy. Tuy nhiên có thể gây quá mẫn thần kinh cơ và cơn động kinh, đặc biệt ở người bị bệnh suy thận.

Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:



Khi gặp phải trường hợp quá liều, nên ngừng sử dụng thuốc ngay lập tức. Việc tham khảo máu có thể hỗ trợ trong việc đào thải cefpodoxim ra khỏi cơ thể, đặc biệt đối với trường hợp chức năng thận bị tổn thương. Ngoài ra có thể kết hợp với các biện pháp điều trị triệu chứng và hỗ trợ nâng đỡ thể trạng cho cơ thể bệnh nhân.

Những điều cần thận trọng khi dùng thuốc này:

Trước khi bắt đầu điều trị bằng cefpodoxim, phải điều tra kỹ về tiền sử dị ứng của người bệnh với cephalosporin, penicilin hoặc thuốc khác.

Cần sử dụng thận trọng đối với những người mẫn cảm với penicilin, thiếu năng thận và người có thai hoặc đang cho con bú.

Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Thời kỳ mang thai: Chưa có tài liệu nào nói đến việc sử dụng cefpodoxim trong thời gian mang thai. Tuy vậy các cephalosporin thường được coi như an toàn khi sử dụng cho người mang thai.

Thời kỳ cho con bú: Cefpodoxim được tiết qua sữa mẹ với nồng độ thấp. Mặc dù nồng độ thấp, nhưng vẫn có 3 vấn đề sẽ xảy ra đối với trẻ em bú sữa có cefpodoxim: Rối loạn hệ vi khuẩn đường ruột, tác dụng trực tiếp đến cơ thể trẻ và kết quả nuôi cấy vi khuẩn sẽ sai, nếu phải làm kháng sinh đồ khi có sốt.

Tác động đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Dùng được khi lái xe và vận hành máy

Khi nào cần tham vấn bác sỹ, dược sỹ:

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ.

Hạn dùng của thuốc:

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tên, địa chỉ, biểu tượng (nếu có) của cơ sở sản xuất:

KWALITY PHARMACEUTICAL PVT. LIMITED.

Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar, Punjab, Ấn Độ

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:

30/01/2018



TUQ.CỤC TRƯỞNG
P.TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Vân Hạnh